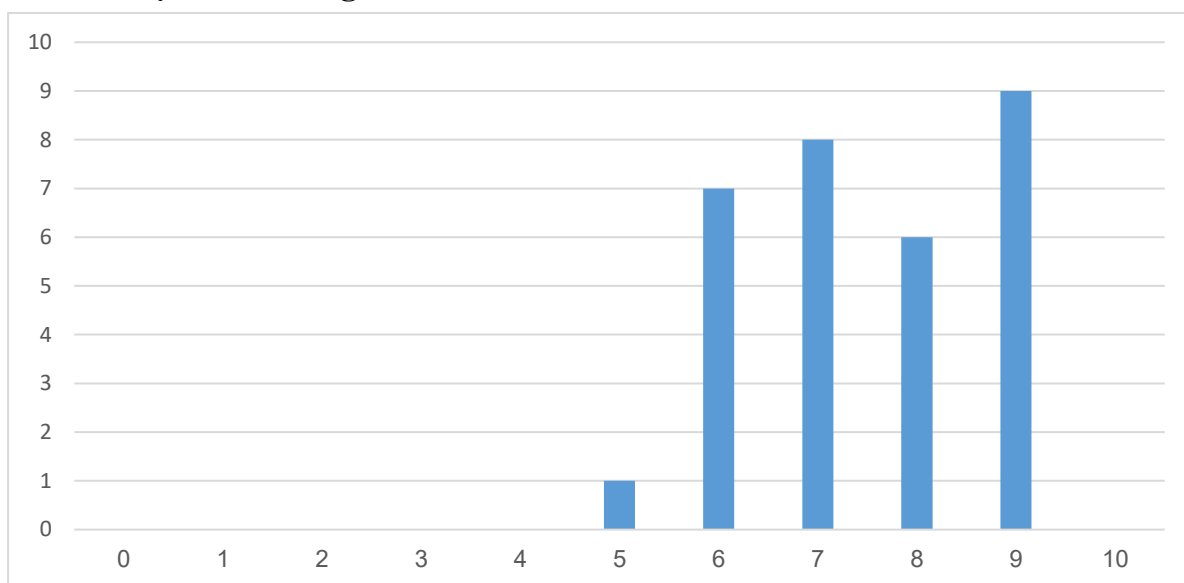


TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

**KẾT QUẢ PHÂN TÍCH PHỔ ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
MỘT SỐ MÔN HỌC NĂM 2022 – 2023**

1. Môn thực hành Bóng bàn



Biểu đồ phổ điểm môn Bóng bàn năm học 2022 – 2023

1.1. Bảng tần số điểm

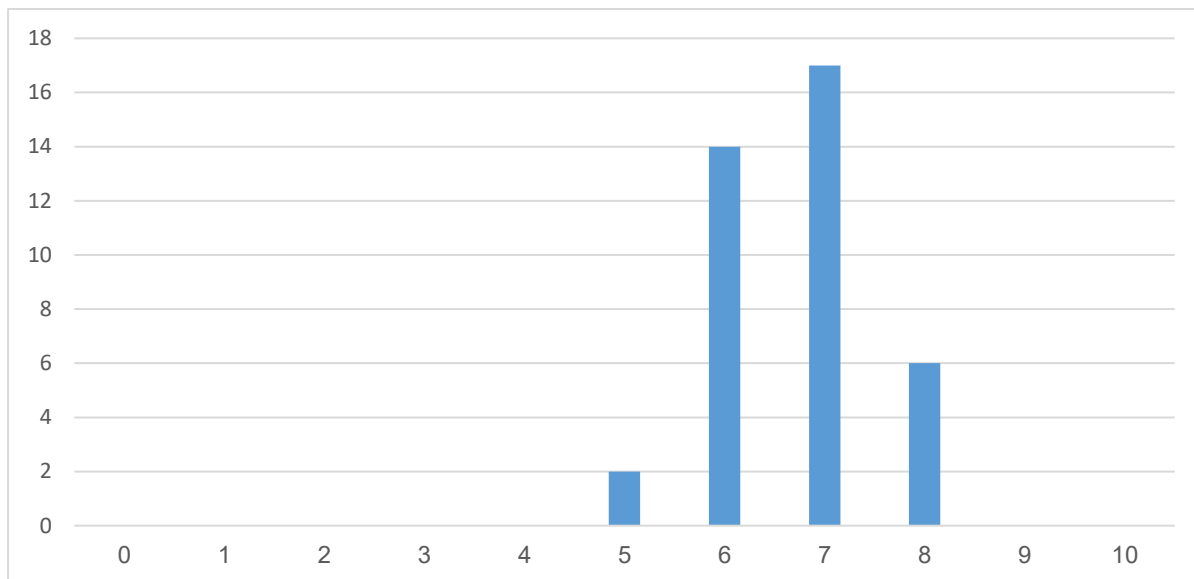
Điểm	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
SL	0	0	0	0	0	1	7	8	6	9	0

1.2. Bảng chỉ số thống kê

Tổng số sinh viên	31	
Trung bình	7.48	
Trung vị	7	
Số sinh viên đạt Điểm ≤ 2	0	0
Số sinh viên đạt dưới trung bình < 5	0	0
Mức điểm trung bình có nhiều sinh viên đạt	9	29.0322

Kết quả phân tích phổ điểm môn Bóng bàn cho thấy: Năm học 2022 - 2023, có 31 sinh viên học tập và kiểm tra, trong đó điểm trung bình là 7.48 điểm, điểm trung vị là 7 điểm; Số sinh viên có điểm ≤ 2 là 0 (chiếm tỷ lệ 0%); số sinh viên đạt điểm dưới trung bình là 0 (chiếm tỷ lệ 0%), điểm số có nhiều sinh viên đạt nhất là 9 điểm (chiếm 29.0322%).

2. Môn thực hành Cử tạ



Biểu đồ phổ điểm môn Cử tạ năm học 2022 – 2023

2.1. Bảng tần số điểm

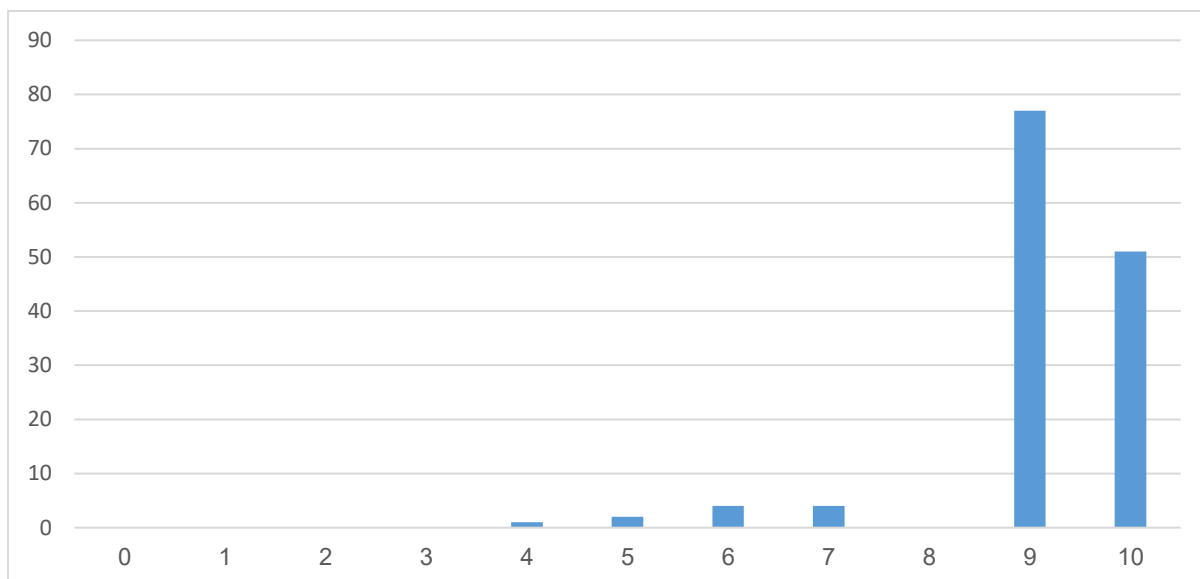
Điểm	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
SL	0	0	0	0	0	2	14	17	6	0	0

2.2. Bảng chỉ số thống kê

Tổng số sinh viên	39	
Trung bình	6.69	
Trung vị	6.5	
Số sinh viên đạt Điểm ≤ 2	0	0
Số sinh viên đạt dưới trung bình < 5	0	0
Mức điểm trung bình có nhiều sinh viên đạt	7	43.589

Kết quả phân tích phổ điểm môn Cử tạ cho thấy: Năm học 2022 - 2023, có 39 sinh viên học tập và kiểm tra, trong đó điểm trung bình là 6.69 điểm, điểm trung vị là 6.5 điểm; Số sinh viên có điểm ≤ 2 là 0 (chiếm tỷ lệ 0%); số sinh viên đạt điểm dưới trung bình là 0 (chiếm tỷ lệ 0%), điểm số có nhiều sinh viên đạt nhất là 7 điểm (chiếm 43.589%).

3. Môn thực hành Thể dục



Biểu đồ phổ điểm môn Thể dục năm học 2022 – 2023

3.1. Bảng tần số điểm

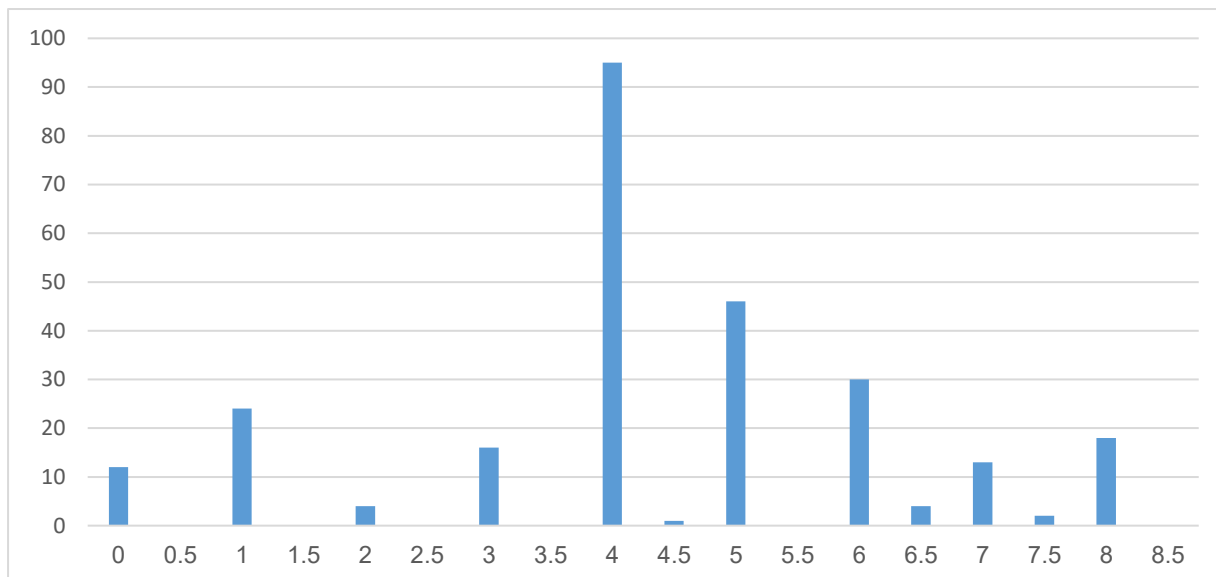
Điểm	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
SL	0	0	0	0	1	2	4	4	0	77	51

3.2. Bảng chỉ số thống kê

Tổng số sinh viên	139	
Trung bình	9.13	
Trung vị	8.7	
Số sinh viên đạt Điểm ≤ 2	0	0
Số sinh viên đạt dưới trung bình < 5	1	0.7194
Mức điểm trung bình có nhiều sinh viên đạt	9	55.396

Kết quả phân tích phổ điểm môn Thể dục cho thấy: Năm học 2022 - 2023, có 139 sinh viên học tập và kiểm tra, trong đó điểm trung bình là 9.13 điểm, điểm trung vị là 8.7 điểm; Số sinh viên có điểm ≤ 2 là 0 (chiếm tỷ lệ 0%); số sinh viên đạt điểm dưới trung bình là 1 (chiếm tỷ lệ 0.7194%), điểm số có nhiều sinh viên đạt nhất là 9 điểm (chiếm 55.396%).

4. Môn lý thuyết Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1



Biểu đồ phổ điểm môn NNLCBCNML 1 năm học 2022 – 2023

4.1. Bảng tần số điểm

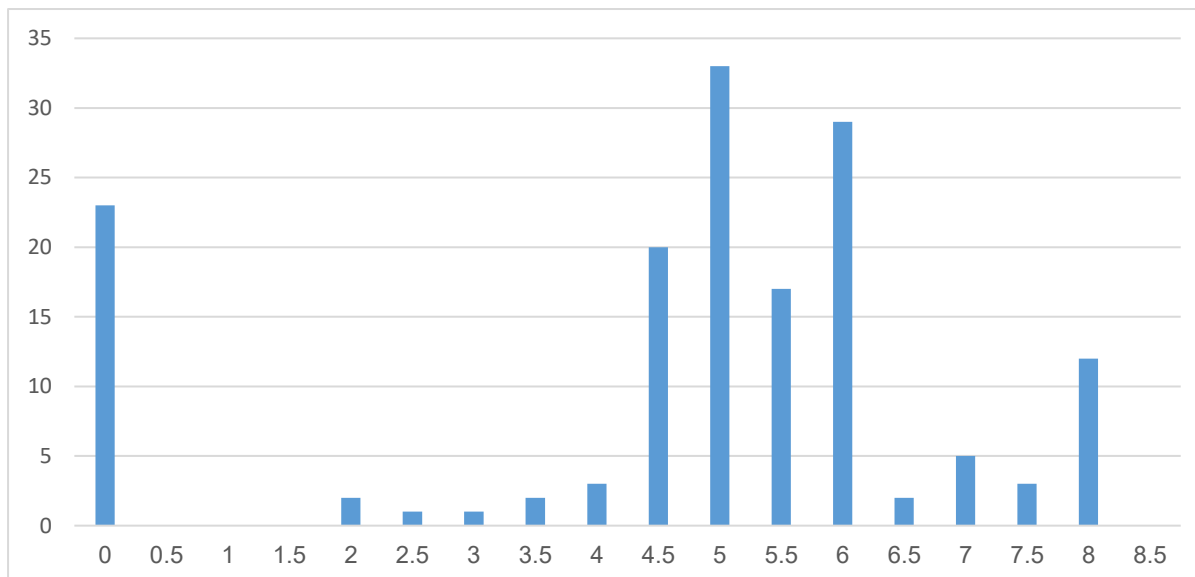
Điểm	0	0.5	1	1.5	2	2.5	3	3.5	4	4.5	5	5.5	6	6.5	7	7.5	8	8.5
SL	12	0	24	0	4	0	16	0	95	1	46	0	30	4	13	2	18	0

4.2. Bảng chỉ số thống kê

Tổng số sinh viên	256	
Trung bình	4.34	
Trung vị	3.8	
Số sinh viên đạt Điểm ≤ 2	40	15.094
Số sinh viên đạt dưới trung bình < 5	152	57.358
Mức điểm trung bình có nhiều sinh viên đạt	4	35.849

Kết quả phân tích phổ điểm môn NNLCBCNML cho thấy: Năm học 2022 - 2023, có 256 sinh viên học tập và kiểm tra, trong đó điểm trung bình là 4.34 điểm, điểm trung vị là 3.8 điểm; Số sinh viên có điểm ≤ 2 là 40 (chiếm tỷ lệ 15.094%); số sinh viên đạt điểm dưới trung bình là 152 (chiếm tỷ lệ 57.358%), điểm số có nhiều sinh viên đạt nhất là 4 điểm (chiếm tỷ lệ 35.849%).

5. Môn lý thuyết Sinh lý thể thao 1



Biểu đồ phổ điểm môn Sinh lý thể thao 1 năm học 2022 – 2023

5.1. Bảng tần số điểm

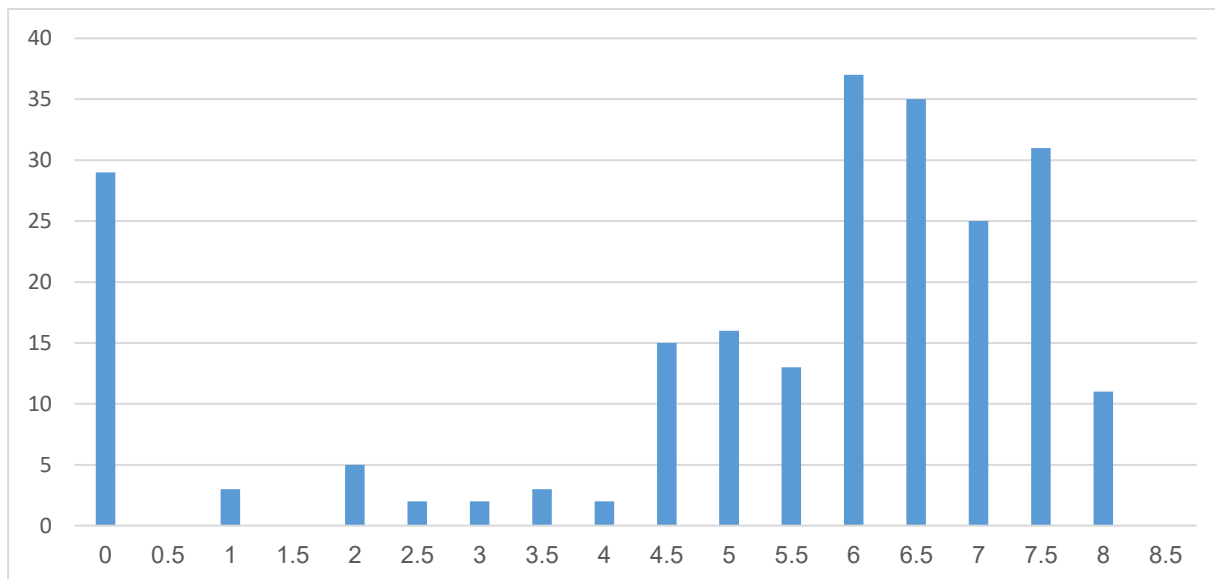
Điểm	0	0.5	1	1.5	2	2.5	3	3.5	4	4.5	5	5.5	6	6.5	7	7.5	8	8.5
SL	23	0	0	0	2	1	1	2	3	20	33	17	29	2	5	3	12	0

5.2. Bảng chỉ số thống kê

Tổng số sinh viên	153	
Trung bình	4.69	
Trung vị	4.7	
Số sinh viên đạt Điểm ≤ 2	25	16.339
Số sinh viên đạt dưới trung bình < 5	52	33.986
Mức điểm trung bình có nhiều sinh viên đạt	5	21.568

Kết quả phân tích phổ điểm môn Sinh lý thể thao 1 cho thấy: Năm học 2022 - 2023, có 153 sinh viên học tập và kiểm tra, trong đó điểm trung bình là 4.69 điểm, điểm trung vị là 4.7 điểm; Số sinh viên có điểm ≤ 2 là 25 (chiếm tỷ lệ 16.339%); số sinh viên đạt điểm dưới trung bình là 52 (chiếm tỷ lệ 33.986%), điểm số có nhiều sinh viên đạt nhất là 5 điểm (chiếm tỷ lệ 21.568%).

6. Môn lý thuyết Tâm lý đại cương



Biểu đồ phổ điểm môn Tâm lý đại cương năm học 2022 – 2023

5.1. Bảng tần số điểm

Điểm	0	0.5	1	1.5	2	2.5	3	3.5	4	4.5	5	5.5	6	6.5	7	7.5	8	8.5
SL	29	0	3	0	5	2	2	3	2	15	16	13	37	35	25	31	11	0

5.2. Bảng chỉ số thống kê

Tổng số sinh viên	229	
Trung bình	5.27	
Trung vị	5.7	
Số sinh viên đạt Điểm ≤ 2	37	16.157
Số sinh viên đạt dưới trung bình < 5	61	26.637
Mức điểm trung bình có nhiều sinh viên đạt	6	16.157

Kết quả phân tích phổ điểm môn Tâm lý đại cương cho thấy: Năm học 2022 - 2023, có 229 sinh viên học tập và kiểm tra, trong đó điểm trung bình là 5.27 điểm, điểm trung vị là 5.7 điểm; Số sinh viên có điểm ≤ 2 là 37 (chiếm tỷ lệ 16.157%); số sinh viên đạt điểm dưới trung bình là 61 (chiếm tỷ lệ 26.637%), điểm số có nhiều sinh viên đạt nhất là 6 điểm (chiếm tỷ lệ 16.157%).

Như vậy:

Đối với môn thực hành: Có thể nhận thấy rằng phổ điểm thi kết thúc học phần các môn thực hành trong năm học 2022 – 2023 phân bố không đều trải dài từ điểm 6 đến điểm 10, đỉnh của phổ điểm tập trung ở mức 7 – 8 điểm, riêng môn Thử nghiệm thi đỉnh của phổ điểm ở mức 9 và 10. Tỷ lệ sinh viên đạt điểm trung bình và dưới trung bình ở các môn thực hành thấp. Điều này chứng tỏ đề thi đã làm tốt công tác kiểm tra, đo lường mức độ nắm bắt kiến thức của sinh viên; đạt được mục tiêu so sánh trình độ, năng lực của từng sinh viên với chuẩn đầu ra.

Đối với môn lý thuyết: Đỉnh phổ điểm của các môn lý thuyết là môn Tâm lý đại cương thì phổ điểm tập trung ở mức 6 đến 7.5 điểm có sự lệch phải một chút (tốt), tỷ lệ sinh viên đạt dưới trung bình và điểm trung bình còn khá cao chiếm đến hơn 26 %. Sườn bên phải của phổ điểm có độ dốc khá lớn, sự chênh lệch giữa các mức điểm (từ 6 – 8 điểm) khá cao và không có ở mức điểm 9 – 10. Tức là, đề thi đã phân hóa khá rõ các sinh viên ở mức trung bình, khá, khá giỏi, giỏi và xuất sắc.

Điều này chứng tỏ đề thi đã làm tốt việc kiểm tra, đo lường mức độ nắm bắt kiến thức của sinh viên; đạt được mục tiêu so sánh trình độ, năng lực của từng sinh viên với chuẩn đầu ra.

Tuy nhiên, đối với môn NNLCBCNM và môn Sinh lý thể thao 1 thì phổ điểm lại có chiều hướng hơi lệch về trái với mức điểm trung bình là 4.34 và 4.69 và trung vị là 3.8 và 4.7 trong đó tỷ lệ sinh viên đạt dưới trung bình cao chiếm hơn 57% và mốc điểm trung bình có lượng sinh viên đông nhất là 4 điểm (chiếm hơn 35%). Do vậy cần phải tìm hiểu nguyên nhân tỷ lệ sinh viên đạt điểm dưới trung bình thấp và đưa ra giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng học tập của sinh viên và đạt mục đích phù hợp với chuẩn đầu ra ở 2 môn này.

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 7 năm 2023

PHÒNG KT&ĐBCLGD

Trưởng phòng



TS. Đàm Trung Kiên